

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VINH
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2023/DSST-HNGĐ

Ngày: 28 - 4 - 2023

V/v ly hôn giữa chị H và anh T.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Công Thắm

2. Ông Trần Đức Hào

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai An - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 422/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp “Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị H, sinh năm 2002; Nơi ĐKNKTT: xóm T (trước đây là xóm L), xã T, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An; Nơi ở hiện nay: Phòng A, tầng 15, Chung cư C, đường Đ, khối 2, phường Q, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An; Điện thoại: 0944xxxxx. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Bảo T, sinh năm 1997; Nơi ĐKNKTT: ngõ 107 đường H, khối T, phường L, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An; Điện thoại: 0886xxxxx. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Phạm Thị H trình bày: Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Bảo T đến với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện. Hai bên tiến hành đăng ký kết hôn vào ngày vào ngày 26/4/2021 tại UBND xã T,

huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống bên gia đình anh T tại ngõ 107 đường H, khối T, phường L, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Vợ chồng chung sống hạnh phúc trong thời ngắn nhưng sau đó thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn kéo dài và trầm trọng nhất từ năm đầu năm 2022 cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, do kinh tế gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, không tôn trọng nhau, không có tiếng nói chung, anh T đã nhiều lần đánh đập chị và việc anh T đánh đập chị đã từng được chính quyền địa phương can thiệp. Đến tháng 10/2022 thì vợ chồng sống ly thân, chị H đã về gia đình bên ngoại sinh sống cho đến nay. Nay chị H thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm thực sự không còn, không thể sống chung với nhau được nữa nên chị H làm đơn xin được ly hôn với anh Nguyễn Bảo T.

Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống chị H, anh T có một con chung tên là Nguyễn Đăng B – sinh ngày 17/4/2020. Do con chung còn quá nhỏ, từ khi vợ chồng ly thân con chung đã sống ổn định với chị, anh T không có trách nhiệm gì với con, chỉ đóng góp đúng 01 lần tiền học cho con, còn sau đó thì không hỗ trợ bất kỳ vật chất, kinh tế gì để nuôi con nên ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi trưởng thành. Chị hiện đang lao động tự do, bán hàng, thu nhập ổn định hàng tháng 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng) có đủ điều kiện về kinh tế để nuôi con chung. Chị yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) cho đến khi con chung trưởng thành.

Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là anh Nguyễn Bảo T trình bày: Anh Nguyễn Bảo T đồng ý với lời trình bày của chị Phạm Thị H về điều kiện, thời gian vợ chồng kết hôn, thời gian và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là đúng sự thật. Quá trình chung sống do những mâu thuẫn trên nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, không tôn trọng nhau dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Từ tháng 10/2022, vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay không có trách nhiệm gì với nhau. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã rất trầm trọng, không thể sống chung với nhau được nữa nên chị H làm đơn xin ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn.

Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Đăng B – sinh ngày 17/4/2020. Từ khi vợ chồng sống ly thân thì con chung đều ở với chị H cho đến nay. Anh thừa nhận từ khi vợ chồng sống ly thân thì anh chỉ đóng góp một lần tiền học cho con. Sau đó vì tính chất công việc nên anh không có điều kiện thời gian để hỗ trợ nuôi con cùng chị H. Trong quá trình hòa giải, anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung nhưng tại phiên tòa hôm nay, anh T đồng ý giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh

T đồng ý cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) cho đến khi con chung trưởng thành.

Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Về thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thu thập đầy đủ chứng cứ. Tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tổng đạt các văn bản cho các đương sự tham tố tụng thực hiện đúng quy định bảo đảm quyền lợi nghĩa vụ của họ. Thành phần Hội đồng xét xử đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Bảo T.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Đăng B – sinh ngày 17/4/2020 cho chị Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành.

Anh Nguyễn Bảo T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) kể từ tháng 05/2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Bảo T có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền cấp dưỡng) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung: Chị H, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

4. Về án phí: Buộc chị Phạm Thị H, anh Nguyễn Bảo T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Phạm Thị H khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Bảo T có ĐKNKTT tại khối T, phường L, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H kết hôn với anh Nguyễn Bảo T trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An vào ngày 26 tháng 4 năm 2021. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T là hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét quá trình chung sống giữa chị H và anh T thấy rằng: Trong quá trình chung sống chị H và anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm sống nên giữa vợ chồng không có tiếng nói chung dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Chị H và anh T đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2022 cho đến nay không có trách nhiệm gì với nhau. Như vậy, có thể khẳng định cuộc sống hôn nhân giữa chị H và anh T trên thực tế không còn tồn tại, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị H là phù hợp pháp luật và anh Nguyễn Bảo T cũng đồng ý ly hôn nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Nguyễn Bảo T.

[2.2]. Về nuôi con chung: Quá trình chung sống, chị H và anh T đều thống nhất có 01 con chung tên là Nguyễn Đăng B – sinh ngày 17/4/2020. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị H đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi trưởng thành. Hội đồng xét xử thấy rằng, việc giao con chung cho ai nuôi cần phải xem xét vào quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên, thuận lợi trong việc chăm sóc, giáo dục con và phù hợp về sự phát triển tâm sinh lý của các cháu. Xét trên thực tế từ khi chị H, anh T sống ly thân cho đến nay thì con chung đều sống ổn định cùng với chị H. Xét về độ tuổi thì cháu Nguyễn Đăng B đang còn quá nhỏ tuổi nên cần ở với mẹ sẽ phù hợp về độ tuổi, sự phát triển tâm sinh lý của cháu hơn. Tại phiên tòa, anh T cũng đồng ý giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó cần giao con chung Nguyễn Đăng B cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Hội đồng xét xử thấy rằng, việc cấp dưỡng nuôi con chung chưa thành niên là nghĩa vụ của cha mẹ đối với con. Tại phiên tòa, anh T cũng đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Do đó cần

buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) kể từ tháng 05/2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[2.3]. Về tài sản chung: Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Bảo T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[2.4]. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Nguyễn Bảo T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.5]. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Bảo T.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Đăng B – sinh ngày 17/4/2020 cho chị Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành.

Anh Nguyễn Bảo T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) kể từ tháng 05/2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Bảo T có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại Khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số 0010492 ngày 07/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Anh Nguyễn Bảo T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền cấp dưỡng) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhân:

- Các đương sự;
- VKSNDTP Vinh;
- Chi cục THA dân sự TP Vinh;
- UBND xã T, h.Hưng Nguyên, Nghệ An
(Đăng ký kết hôn số 29/2021 ngày 26/4/2021);
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Hoa